

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST

Ngày 18 tháng 9 năm 2020

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bắc

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sứ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 52 Trần Quốc T, tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Đức N sinh năm 1961 (Có mặt);

Địa chỉ: 203 Phan Đình P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020).

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh D, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: 272 Phan Đình P, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2020, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Đức N trình bày:

Bà Trần Thanh T với bà Phạm Thị Thanh D là chỗ chị em quen biết. Bà D có vay của bà T số tiền 235.000.000đ vào ngày 16/02/2020 âm lịch (ngày 09/3/2020

duyệt) và hạn cuối tháng 3 năm 2020 sẽ trả đủ cho bà T. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất gấp hai lần lãi của ngân hàng, bà T đòi nhiều lần nhưng bà D không trả.

Do đó bà T yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc là 235.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 9%/năm kể từ khi vay cho đến khi xét xử và cho đến khi thanh toán xong nợ. Bà T không đồng ý cho bà D được trả dần hàng tháng và không tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn là chị Phạm Thị Thanh D trình bày:

Tôi bà T có quan hệ, quen biết nhau. Tôi thừa nhận có nợ số tiền gốc 235.000.000đ, nhưng tôi có trả lãi cho bà T với lãi suất 9%/tháng, nhưng đây là các khoản vay trước đây cộng lại, gồm cả tiền nợ ngày. Tuy nhiên tôi không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về tiền nợ này bao gồm cả tiền nợ lãi, và số tiền lãi tôi đã trả cho bà Trần Thanh T.

Việc vay mượn do một mình tôi đứng ra không liên quan đến ai khác và không xác định thời hạn, tôi vẫn trả lãi cho bà T nhưng vài tháng nay không có điều kiện trả lãi cho bà T. Nay do điều kiện kinh tế khó khăn, tôi xin được trả dần cho bà T số tiền nợ gốc là 235.000.000đ mỗi tháng 5.000.000đ, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi hết nợ. Xin không tính lãi, vì tôi đã trả lãi và nay gặp khó khăn, không có khả năng trả lãi.

Kiểm sát viên có ý kiến phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng theo quy định. Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, lãi theo quy định của pháp luật và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản không xác định thời hạn và có lãi; bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với khoản nợ gốc phía bị đơn thừa nhận bà D còn nợ của bà T số tiền gốc chưa trả 235.000.000đ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định

tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định bà D nợ bà T là sự thật. Do đó cần buộc bà D phải trả cho bà T số tiền này.

Đối với khoản tiền lãi. HĐXX xét thấy giấy mượn tiền ngày 16/02/2020AL tức ngày 09/3/2020 các bên có thỏa thuận lãi suất do hai bên thỏa thuận, nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất, tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận vay có lãi, nhưng không thống nhất được với nhau về mức lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi tính theo mức 9%/năm là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng vay có thời hạn, nhưng bị đơn cho rằng hợp đồng vay không xác định thời hạn, căn cứ vào giấy mượn tiền không ghi cụ thể thời hạn trả nên xác định là hợp đồng không xác định thời hạn. Thời gian vay từ ngày 09/3/2020 đến nay (18/9/2020) là 6 tháng 09 ngày. Do đó tiền lãi được tính là $235.000.000đ \times 9\%/năm \times 6 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 11.103.750đ$. Cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn tiền lãi, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, đồng thời phía nguyên đơn không thừa nhận bị đơn đã trả tiền lãi, nên HĐXX không có cơ sở xác định số tiền lãi bị đơn đã trả để khấu trừ vào số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[3] Về tiền án phí:

Cần buộc các bị đơn bà Phạm Thị Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh T.

Buộc bà Phạm Thị Thanh D phải trả cho bà Trần Thanh T tổng số tiền là 246.103.750đ (Hai trăm bốn sáu triệu một trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 235.000.000đ, tiền lãi 11.103.750đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Buộc bà Phạm Thị Thanh D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 12.305.187đ (Mười hai triệu ba trăm lẻ năm nghìn một trăm tám bảy đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Bà Trần Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.095.312đ (Sáu triệu không trăm chín lăm nghìn ba trăm mười hai đồng) theo biên lai số 0005379, ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tiến